TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **84**/2020/DS-ST
Ngày: 25/5/2020
V/v tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLST-DS ngày 06/12/2019 về tranh chấp"*Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST-DS ngày 04/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Phước A, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số 67/3, ấp AH, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền là ông Võ Văn V, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Số 365/2, khu phố 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số 49/1, ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt không có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18/10/2019, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 07/01/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Phước A là anh Võ Văn V trình bày:

Vào năm 2015 ông Lê Văn T có đến cửa hàng thức ăn thủy sản Đại lý Tám Thông do anh Lê Phước A làm chủ đại diện, để mua thức ăn nuôi tôm nhiều lần khi mua hai bên giao kết khi nào ông T thu hoạch tôm sẽ trả tiền thức ăn cho anh A. Tính đến ngày 23/10/2015 ông Lê Văn T còn nợ số tiền 13.700.000đồng, ông Tráng có ký xác nhận nợ với anh A và ghi "Lê Văn T có thiếu đại lý Tám Thông số tiền là 13.700.000đồng" vào ngày 23/10/2015. Anh A đã nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền này nhưng anh A không trả điều đó thể hiện ông T không có thiện chí trả cho ông A số tiền này.

Nay anh A yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả số tiền 13.700.000 (Mười ba triệu, bảy trăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Anh A không yêu cầu vợ anh T là chị Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm liên đới với anh T để trả cho anh A số tiền nêu trên.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Lê Phước A tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Lê Văn T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về tố tụng: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Võ Văn V có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V, ông T.

[3] Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn anh Lê Phước A với bị đơn ông Lê Văn T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung: Anh Lê Phước A yêu cầu ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho anh A số tiền 13.700.000 (mười ba triệu, bảy trăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi. Anh A có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là giấy xác nhận nợ ngày 23/10/2015 có ký xác nhận nợ của ông T và ông T có ghi dòng chữ "Lê Văn T có thiếu đại lý Tám Thông số tiền là 13.700.000đồng". Đồng thời nhiều lần Tòa án triệu tập ông T tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng ông T không đến cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án, như vậy cho thấy ông Tráng đã mặc nhiên thừa nhận số tiền nợ theo yêu cầu khởi kiện của anh A.

Nên căn cứ quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phước A buộc ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ trả cho anh A số tiền 13.700.000 (Mười ba triệu, bảy trăm nghìn) đồng, anh A không yêu tính lãi và không yêu cầu vợ anh T là chị Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm liên đới với anh T để trả cho anh A số tiền nêu trên nên không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí ông T phải nộp (13.700.000đồng x 5%) là: 685.000đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 227, 228, 238 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phước A. Buộc ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ trả cho anh A số tiền 13.700.000 (Mười ba triệu, bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T có nghĩa vụ nộp: 685.000 (Sáu trăm tám mươi lăm nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Anh Lê Phước A được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 342.500đồng theo biên lai thu số 0006271, ngày 06 tháng 12 năm 2019.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).